TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **03/2019/DS - ST**
Ngày **28** tháng **08** năm **2019**

" V/v *: Tranh chấp quyền sử dụng đất "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K- TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Phạm Thế Anh.
Các Hội thẩm nhân dân : Ông Vũ Đức Bính và ông Trần Văn Nghi
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
Đại diện VKSND huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện K - tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST - DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp QSDĐ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX - ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1957; trú tại: xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1958; trú tại: xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1947; trú tại: xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1958; trú tại: xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; (có mặt)

+ Anh Trần Văn P, sinh năm 1970; trú tại: xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

+ Anh Trần Văn L, sinh năm 1983; trú tại: xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

+ Bà Vũ Thị K, sinh năm 1950; trú tại: xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Đại diện theo ủy quyền: : Ông Trần Văn Q, sinh năm 1947; trú tại: xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2019 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày: gia đình ông đang sử dụng mảnh đất đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) từ năm 1998 đến nay với diện tích 905m^2; có phía Bắc giáp đường sông dài 44,3m; phía Tây giáp ngõ nhà ông D dài 18,9m; phía Đông giáp ngõ đi nhà ông Q dài 21,5m; phía Nam giáp thổ ông Q dài 44,8m. Nguồn gốc đất do ông nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn C từ năm 1995, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 số L245057 ngày 03/8/1998

Năm 2016, gia đình ông Trần Văn Q và vợ là Vũ Thị K đã lấn chiếm sang phần đất mà gia đình ông đang sử dụng; Cụ thể: phía Bắc giáp đường sông là 2m, phía Nam giáp thổ ông Q là 2,15m, chạy dài 21,5m theo ngõ đi của nhà ông Q. Tổng diện tích lấn chiếm là 40m^2. Trên phần đất lấn chiếm, ông Q, bà K đã tự xây một đoạn tường bằng gạch bi chạy dài từ phía Bắc giáp đường sông đến phía Nam, dựng một cái lán ở phía Nam trên phần đất lấn chiếm và đổ bê tông trên phần đất lấn chiếm làm ngõ đi. Gia đình ông đã nhiều lần trao đổi với gia đình ông Q nhưng 2 bên không giải quyết được với nhau; gia đình ông đã đề nghị chính quyền xã L hòa giải nhưng không có kết quả. Vì vậy ông T yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Q trả lại phần đất 40m^2 đang lấn chiếm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh đứng về phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: nhất trí quan điểm của nguyên đơn.

Ông Trần Văn Q là bị đơn trong vụ án trong tự khai ngày 28/3/2019 và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: thổ đất của ông đang ở là từ thời bố đẻ (cụ T1) của ông để lại cho, ông vẫn sử dụng đúng mô mốc cũ và đúng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện K đã cấp. Ngoài mặt đường phía Bắc đất của nhà ông rộng 11,6m ngoài ra gia đình ông còn mua thêm của nhà ông Đỗ Văn H1 liền kề 01m đất rộng mặt đường để mở rộng chiều giáp đường là 12,6m và con trai của ông là Trần Văn P đã xây nhà và có để lại một phần làm ngõ đi chung của ba bố con ông Q. Vì vậy ông nhà ông T nói và chửi bới nhà ông lấn chiếm đất của nhà ông T là không đúng. Đất hiện tại gia đình ông đang sử dụng đúng với GCNQSDĐ được cấp năm 2006 số L289016 ngày 15/3/2006 và cộng thêm 1m mặt đường mua thêm của ông H năm 2014.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn anh Trần Văn P trình bày: Trước đây anh được bố đẻ là ông Trần Văn Q cho một phần đất trong thổ của ông Q để xây nhà vào năm 2001. Ông Q cho đất chỉ trong gia đình biết chứ không làm thủ tục tách hay sang tên GCNQSDĐ. Đến năm 2014, anh P mua thêm 1m đất rộng mặt đường kéo dài vào hết thổ đất của nhà anh, chiều dài là bao nhiêu anh không biết của ông Đỗ Văn H1 để làm thêm dại sử dụng. Việc mua bán với ông H1 chỉ có giấy viết tay với nhau. Đến năm 2017, gia đình anh P có xây thêm 1 lán lợp pro trên ngõ đi đang có tranh chấp. Đối với việc ông T và ông Q đang có tranh chấp, anh P cho rằng ông T đòi đất là không đúng. Đất của gia đình anh sử dụng từ trước đến nay không có tranh chấp gì, phần đất đang có tranh chấp là ngõ đi của ông Q, anh và anh L (em trai của anh) đang sử dụng. Đối với phần đất mua thêm của ông Đỗ Văn H1, hai bên có viết giấy tay và đưa lên UBND xã L để làm thủ tục chứng thực thì không thực hiện được. Nên đến nay phần đất mua thêm chưa được nhập thửa của nhà ông Q. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án bảo vệ quyền lợi cho gia đình anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn anh Trần Văn L trình bày: Anh L có biết việc ông T và ông Q tranh chấp đất. Về phần đất đang có tranh chấp, anh L cho rằng đây là phần ngõ đi của ba bố con anh là anh P, ông Q, anh P sử dụng từ trước đến nay. Năm 2017, khi đoàn đo đạc của tỉnh về đo đạc lại xong, anh đã xây dựng 01 tường bao kéo dài từ Bắc vào Nam, cao 0,5m bằng gạch bi làm ranh giới với ao nhà ông T. Đất

gia đình anh sử dụng trước như thế nào, nay như vậy, theo đúng GCNQSDĐ, anh yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi cho gia đình anh.

Người làm chứng ông Phạm Văn C là chủ sử dụng đất cũ tại biên bản lấy lời khai ngày 04 và ngày 08/07/2019 xác nhận đất hiện nay gia đình ông T sử dụng có nguồn gốc ông nhận chuyển nhượng của cụ cố T1 bố đẻ ông Q; đến năm 1995 ông chuyển nhượng cho ông T; trước gia đình ông và gia đình ông Q có chung ngõ đi; phần gia đình ông có khoảng 1,2m, còn gia đình ông Q khoảng 2,5m; sau đó hai gia đình không đi chung nữa ông có tôn cao phần ngõ đi phía Đông này lên khoảng 1m so với bờ ao trồng rặng hóp làm ranh giới và phía Nam thì trồng hàng dâm bụt làm ranh giới với nhà ông Q.

Kết quả thẩm định tại chỗ ngày 24/6/2019 thì: hiện tại đất của ông Phạm Văn T đang sử dụng có kích thước chiều phía Nam giáp nhà ông Q dài 42,18m ; phía Bắc giáp đường đi chung dài 42,6m; phía Tây giáp thổ ông D dài 19,99m; chiều phía Đông giáp thổ ông Q 22,34m; Diện tích thực tế đang sử dụng 892,5m2 (chưa tính phần đất tranh chấp) thiếu so với GCNQSDĐ 12,5m2.

Hiện tại đất của vợ chồng ông Q bà Khuyên cùng các con L, P đang sử dụng có kích thước phía Nam giáp thổ ông K1 là hình gấp khúc 05 đoạn, đoạn 1 có chiều dài 4,53m, đoạn 2 có chiều dài 1,49m , đoạn 3 có chiều dài 10m , đoạn 4 có chiều dài 28,91m, đoạn 5 có chiều dài 13,6m; chiều phía Đông giáp thổ ông K1 và ông H1 là hình gấp khúc ba đoạn, đoạn 01 giáp nhà ông K1 dài 21,07m, đoạn 02 gấp khúc dài 3,22m , đoạn 3 giáp nhà ông H1 dài 23,76m; chiều phía Tây giáp thổ ông D dài 24,79m; chiều phía Bắc giáp thổ ông T là hình gấp khúc ba đoạn, đoạn 01 dài 42,18m đoạn 02 dài 22,34m, đoạn 03 giáp đường đi dài 9,6m (chưa kể phần tranh chấp dài 1,9m và phần đất ông Q cho rằng mua của ông H 01m); nếu tính cả hai phần này thì đoạn 3 này dài 12.5m; diện tích 1695,6m2 tăng so với GCNQSDĐ 172,6 m^2

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 203 Luật đất đai; Điều 175, 176 BLDS 2015; Điều 147 BLTTDS năm 2015; điểm d khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị tuyên:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu hộ gia đình ông Trần Văn Q phải trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 20m^2 cho gia đình ông Phạm Văn T, buộc gia đình ông Q phải tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm trả lại nguyên trạng cho gia đình ông T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và các văn bản pháp luật khác có liên quan để tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Q trả lại đất bị chiếm dụng, căn cứ khoản 9, Điều 26 BLTTDS và khoản 2, Điều 155 BLD thì yêu cầu của vợ chồng ông bà thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

[2] Bị đơn ông Trần Văn Q và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn P, Trần Văn L và bà Vũ Thị K đã được TAND huyện K tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do căn cứ khoản 2 Điều 227 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Căn cứ hồ sơ địa chính do UBND xã L cung cấp và do ông T cung cấp thì gia đình ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp từ năm 1995 diện tích 905m^2 đất, tại thửa số 63, tờ bản đồ số 33, tại xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nguồn gốc đất của ông Phạm Văn T đang sử dụng là của ông T1 (bố đẻ ông Q) chuyển nhượng cho ông C từ năm 1976 đến năm 1995 ông C chuyển nhượng cho gia đình ông T và bà H. Có kích thước chiều phía Nam giáp nhà ông Q dài 44,8m ; phía Bắc giáp đường đi chung dài 44,3m; phía Tây giáp thổ ông D dài 20,9m; chiều phía Đông giáp thổ ông Q 23,5m; hình thể đất được thể hiện tại sơ đồ phác họa ngày 10/03/1995, có xác nhận của chủ sử dụng đất cũ là ông C khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] . Căn cứ hồ sơ địa chính do UBND xã L cung cấp và chứng cứ do ông Q cung cấp thì gia đình ông Q được quyền sử dụng hợp pháp từ năm 1997 diện tích 1523m^2 đất, tại thửa số 64, tờ bản đồ số 33, tại xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nguồn gốc đất của gia đình ông Q đang sử dụng được cụ T1(bố đẻ ông Q) chia cho. Có kích thước chiều phía Bắc giáp thổ ông C (sau này chuyển nhượng cho ông T) là hình gấp khúc ba đoạn, đoạn 01 dài 44,8m đoạn 02 dài 23,5m, đoạn 03 giáp đường đi dài 11,6m; phía Nam giáp thổ ông K1 là hình gấp khúc 04 đoạn, đoạn 1 có chiều dài 5,5m, đoạn 2 có chiều dài 2,3m , đoạn 3 có chiều dài 39m , đoạn 4 có chiều dài 5,6m; chiều phía Đông giáp thổ ông K1 và ông H1 là hình gấp khúc hai đoạn, đoạn 01 giáp nhà ông K1 dài 21,4m, đoạn 02 gấp khúc dài 5,5m đoạn 3 giáp nhà ông H1 dài 24m; chiều phía Tây giáp thổ ông D dài 24,9m; hình thể đất được thể hiện tại sơ đồ phác họa ngày 11/03/1995, có xác nhận của chủ sử dụng đất là ông Q khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ.

[5] Căn cứ vào kết quả thẩm định tại chỗ ngày 24/6/2019 do tòa án thực hiện thì: phần đất tranh chấp nằm ở phía Bắc đất tiếp giáp Đông- Tây giữa hai gia đình; có kích thước Đông giáp thổ ông Q là 22,34m, phía Tây giáp thổ ông T là 22,31m làvà kích thước Bắc bằng Nam 1,9m; đất của ông Phạm Văn T đang sử dụng diện tích thực tế đang sử dụng 892,5m2 thiếu so với GCNQSDĐ 12,5m2; đất của vợ chồng ông Q bà K đang sử dụng diện tích 1695,6m2 tăng so với GCNQSDĐ 172,6 m2; chiều phía Bắc giáp đường đi chung nhà ông Q nếu tính cả phần diện tích đang tranh chấp thì chỉ tăng 0.9m; phần kích thước tăng này ông Q cho là đã nhận chuyển nhượng của nhà ông H1 mà có.

[6] Đối với phần đất tăng thêm khi thẩm định tại chỗ ông Q cho rằng đã nhận chuyển nhượng bằng thỏa thuận viết tay ngày 04/7/2014 của ông H1 có kích thước phía Bắc bằng phía Nam là 01m chiều dài Đông bằng Tây dài 23.76m diện tích 23.76m2, đã đề nghị UBND xã L làm bổ sung giấy chứng nhận diện tích chuyển nhượng này nhưng không được UBND xã L chấp nhận vì không đủ 30m2 và không có đủ kích thước chiều ngang 3m. Trình bày của ông khi xác minh tại xã chính quyền địa phương cho biết không nhận được bất kỳ yêu

cầu nào về việc cấp chứng nhận bổ sung của gia đình ông Q cũng như xác nhận việc chuyển nhượng của hai gia đình. Nếu hai gia đình có thỏa thuận chuyển nhượng như vậy UBND sẽ thực hiện ngay vì việc hợp thửa liền kề không bị hạn chế bởi quy định diện tích đất nhỏ hơn 30m2 và chiều ngang không đủ 3m. Thực tế thẩm định tại chỗ nhà ông H1 đang sử dụng chiều phía Bắc giáp đường đi có chiều dài 57,3m; đối chiếu với hình thể đất được thể hiện tại sơ đồ phác họa ngày 11/03/1995 để cấp GCNQSDĐ có xác nhận của chủ sử dụng đất là ông H1 thì chiều phía Bắc giáp đường đi nhà ông H1 chỉ có chiều dài 56,4m tăng 0,9m không hề hụt đi 01m; đối chiếu với hình thể đất được thể hiện tại sơ đồ đất đo đạc làm bản đồ năm 2017 đều có xác nhận của chủ sử dụng đất là ông H1 thì chiều phía Bắc giáp đường đi nhà ông H1 có chiều dài 56,96m chênh lêch không đáng kể, không hề hụt đi 01m do chuyển nhượng cho ông Q. Nên việc gia đình ông Q trình bày kích thước chiều phía bắc phần giáp đường tăng lên 01m là do chuyển nhượng với ông H1 mà có là không có căn cứ.

[7] Người làm chứng ông Phạm Văn C là chủ sử dụng đất cũ tại biên bản lấy lời khai đã xác nhận đất ông nhận chuyển nhượng của cụ cố T1 bố đẻ ông Q; trước hai gia đình có chung ngõ phần gia đình ông có khoảng 1,2m, còn gia đình ông Q khoảng 2,5m, sau đó hai gia đình không đi chung nữa ông có tôn cao phần ngõ đi phía Đông này lên khoảng 1m so với bờ ao trồng rặng hóp làm ranh giới, phía Nam thì trồng hàng dâm bụt làm ranh giới. Thực tế thẩm định tại chỗ thì phần tranh chấp cao hơn bờ ao nhà ông T gần 01 m, tranh chấp chỉ xảy ra khi gia đình ông Q làm ngõ và xây bờ bò nhận hết phần đất cao này là của gia đình mình vào năm 2017; việc xây dựng khi có tranh chấp đã được UBND xã L lập biên bản yêu cầu gia đình ông Q đình chỉ xây dựng nhưng gia đình ông Q vẫn thực hiện việc xây dựng.

[8] Như vậy căn cứ vào các chứng cứ và nhận định nêu trên có thể xác định Gia đình ông T ngoài ranh giới đất hiện trạng đang sử dụng hiện nay còn có một phần kích thước diện tích đất phía Đông mà diện tích đất này gia đình ông Q đang quản lý sử dụng bất hợp pháp và ngăn cản gia đình ông T sử dụng diện tích đất này; Gia đình ông Q cho rằng ranh giới đất phía Tây giáp phía Đông nhà ông T là từ mép phía đông bờ tường gạch bi trở lại là không có căn cứ.

Tuy nhiên việc gia đình ông T cho rằng gia đình ông Q đang chiếm dụng phần đất có kích thước 1,9m x 21,5m là không có căn cứ, căn cứ thực tế thẩm định và phân tích nêu trên chỉ có đủ căn cứ chứng minh gia đình ông Q đang sử chiếm dụng của gia đình ông T phần đất có kích thước 22,31m x0,9m = 20m2 .

Vì vậy việc gia đình ông T khởi kiện buộc gia đình ông Q phải trả lại phần đất lấn chiếm cho gia đình ông sử dụng căn cứ Điều 166; 170 luật đất đai năm 2013 và Điều 175 BLDS 2015 là có căn cứ, được chấp nhận một phần.

[9] Trong quá trình giải quyết vụ án ông T đã yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ và định giá quyền sử dụng đất tranh chấp; chi phí cho việc thẩm định giá tài sản và đo đạc là 10.000.000đ do công ty thẩm định giá Ngoại Thương thực hiện; ông T đã nộp trước. Tại phiên tòa ông T nhận tự chịu trách nhiệm số tiền chi phí thẩm định định giá nêu trên nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: theo quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ông T và ông Q không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm vì đều là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 100, 106, 166; 170; 202 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 164, 165, 175 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm đối với ông Trần Văn Q.

- Buộc vợ chồng ông Trần Văn Q và bà Vũ Thị K phải trả lại quyền sử dụng 20 m^2 có kích thước Bắc bằng Nam dài 0,9m; Tây bằng Đông dài 22,31m đất ở tại phía Tây của thửa 64, tờ bản đồ số 33, tại xóm 9a, xã L cho vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị H sử dụng.

- Buộc vợ chồng ông Trần Văn Q và bà Vũ Thị K cùng các con là Trần Văn L, Trần Văn P phải tháo dỡ phần lán và tường xây dựng trên phần đất 20 m^2 này để trả lại quyền sử dụng cho vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị H sử dụng.

(có sơ đồ phần đất phải trả kèm theo)

2. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Văn T và ông Trần Văn Q.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kểtừ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận *:*
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Lai Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Phạm Thế Anh